

THÍCH HẢI AN*
PHẠM VĂN PHƯƠNG**

VAI TRÒ HOÀNG PHÁP CỦA CÁC NHÀ SƯ VÙNG THUẬN HÓA VÀ MỘT SỐ NGÔI CHÙA VIỆT NAM TẠI MIỀN TRUNG LÀO HIỆN NAY

***Tóm tắt:** Lào là một trong ba nước Đông Dương, có đường biên giới giáp với Việt Nam. Vì thế, từ lâu, người Việt Nam đã có sự giao lưu và sinh sống tại Lào. Thời Nguyễn, thời Pháp thuộc, nhân dân các tỉnh miền Trung Việt Nam đã sang Lào sinh sống khá đông và lập thành các bản làng ở tỉnh Champasak và tỉnh Savannakhet. Phần lớn người dân nơi đây có niềm tin tôn giáo theo Phật giáo. Vì không có người hướng dẫn Phật pháp nên một số người Việt ở Lào đã trở về Việt Nam thỉnh các nhà sư sang hoàng pháp, cũng từ đó các ngôi chùa Việt được hưng công xây dựng. Sự hình thành và phát triển của Phật giáo Việt Nam ở tỉnh Champasak và tỉnh Savannakhet có sự đóng góp rất lớn của các nhà sư vùng Thuận Hóa. Trong bài viết này, chúng tôi khảo cứu các tư liệu lịch sử nhằm làm sáng tỏ phần nào vai trò của các nhà sư vùng Thuận Hóa đối với Phật giáo Việt Nam tại Lào trên hai phương diện chính là hoàng pháp và xây dựng một số tự viện tại các tỉnh miền Trung nước Lào.*

***Từ khóa:** Các nhà sư, Thuận Hóa; hoàng pháp; tự viện; Lào.*

Mở đầu

Lào là một trong ba nước Đông Dương mà trong thời kỳ Pháp thuộc được hoạt động như là một hệ thống quốc gia nằm trong hệ thống thuộc địa của Pháp ở khu vực Đông Nam Á. Lào có diện tích 236.800 km², phía Đông giáp Việt Nam, phía Tây giáp Thái Lan, phía

* Hòa thượng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN.

** Nghiên cứu sinh, Bộ môn Tôn giáo học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.

Ngày nhận bài: 12/9/2019; Ngày biên tập: 16/9/2019; Duyệt đăng: 23/9/2019.

Bắc giáp vùng đồi núi Vân Nam, Trung Quốc và Myanmar và phía Nam giáp Campuchia¹.

Về phương diện tộc người thì người Lào là nước đa dân tộc với ba bộ tộc chính là Lào Lùm chiếm 68 %, Lào Thong (Lào Trung du) chiếm 24%, và Lào Sùng số lượng ít hơn (theo thống kê điều tra dân số năm 1995 của Chính phủ Lào). Về phương diện tín ngưỡng, đa phần người dân Lào theo Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) và chiếm tỷ lệ đa số (67%).

Đa số người Việt sang Lào làm ăn sinh sống vẫn là những người có niềm tin tôn giáo Phật giáo. Do có điều kiện thuận lợi về địa lý giữa tỉnh Champasak và Savannakhet với các tỉnh miền Trung của Việt Nam nên Việt kiều ở hai tỉnh trên đã thường xuyên liên hệ và thỉnh cầu được một số nhà sư ở Việt Nam sang Lào hướng dẫn đời sống tinh thần cho người dân tại đây.

Bài viết này chủ yếu đề cập đến các vị cao tăng vùng Thuận Hóa sang Lào hoằng pháp, đồng thời qua các tư liệu lịch sử làm sáng tỏ phần nào công lao của các nhà sư vùng Thuận Hóa đối với Phật giáo Việt Nam tại Lào trên hai phương diện chính là hoằng pháp và xây dựng một số tự viện tại các tỉnh miền Trung nước Lào.

1. Những vị đại sư hoằng pháp tại Lào

Đại sư Nhật Trung, tự An Khang

Đại sư Thích Nhật Trung, thế danh là Đoàn Hữu Thạch, xuất gia tại chùa Bồ Đề, đường Chi Lăng, Thành phố Huế. Sau đó, ngài tu học tại Tổ đình Quốc Ân - Huế và được đặc pháp với Hòa thượng Phương trượng Tổ đình thuộc thiền phái Lâm Tế. Sau một thời gian, ngài sang Lào hoằng pháp. Tại làng Pungoudom có một Việt kiều tên Lê Cửu, là một vị quan cửu phẩm của nhà Nguyễn di cư sang Lào khai khẩn vùng đất này rồi lập bản làng người Việt. Ông Lê Cửu đã phát tâm cúng một mảnh đất xây dựng một thảo am vào năm 1938. Đến năm 1942, với sự hộ trì của các Phật tử Việt kiều, ngài đã trùng tu xây dựng thảo am có quy mô lớn hơn và đặt tên là Trang Nghiêm Tự. Năm 1972, đại sư Thiện Dung, một vị bán thế xuất gia trông coi chùa và đứng ra trùng tu chùa đến năm 1973 thì hoàn thành. Vào thập niên 1990, Hòa

thượng Thích Tánh Nhiếp được Giáo hội cử sang Pakse hoàng pháp và tiếp tục trụ trì chùa Trang Nghiêm, hướng dẫn cho bà con Việt kiều tu tập cho đến ngày nay.

Đại sư Thích Minh Lý (1915-1995)

Đại sư thế danh Nguyễn Phước Ly, con của vua Thành Thái (1879-1954) và bà Võ Thị Đức (1870-1938). Ngài sinh năm 1915 tại Huế. Lúc ngài sinh ra là lúc thực dân Pháp bắt vua Thành Thái đi đày vì tội chống lại chính quyền bảo hộ. Năm 15 tuổi, ngài theo mẹ vào Nam lánh nạn, lúc thì Sài Gòn, khi thì Châu Đốc và cuối cùng tới đất Campuchia. Tại đây, ngài xuất gia và mang pháp danh Thích Minh Lý. Với tâm niệm phục vụ chúng sinh, cúng dường chư Phật, ngài đã đi khắp đất nước Lào, Thái Lan, Campuchia,... Ở đâu ngài cũng cống hiến hết mình cho việc truyền bá Phật pháp như xây chùa, đắp tượng, quy y cho nhiều Phật tử từ Thượng, Trung, đến Hạ Lào. Ngài đã xây chùa Châu Giác ở cây số 2 Hạ Lào năm 1950; vận động xây chùa Hùng Sơn ở Paksong năm 1952,... Năm 1962, ngài quay về Sài Gòn tham gia đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Năm 1964, ngài trở lại Lào và năm 1966 ngài khai sơn chùa Kim Sơn. Chùa Kim Sơn ở xóm sân bay Bankhuataphan, thuộc Pakse, tỉnh Champasak. Chùa có kết cấu kiến trúc theo dáng dấp của chùa Thái Lan, Lào và Campuchia, tức là có rất nhiều tháp ở phía trước. Chùa có tượng Quan Thế Âm, có thờ thổ địa và xây dựng tam quan theo kiến trúc Việt Nam. Ngài viên tịch năm 1995, thọ 80 tuổi².

Hòa thượng Thích Diệu Thanh (1890-1972)³

Hòa thượng sinh năm 1890 tại thôn Đa Nghi, phủ Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Hòa thượng có thế danh là Nguyễn Hữu Thanh và là một vị bán thế xuất gia. Lúc còn sinh tiền, ngài đã quy y với Hòa thượng Thanh Thái, hiệu Phước Chỉ, đệ tam tổ Tổ đình Tường Vân, Huế, được Hòa thượng Bôn sư ban cho Pháp danh Trừng Tịnh, hiệu Diệu Thanh.

Trong thời gian đất nước trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ngài đã đưa con (Hòa thượng Chánh Pháp) lúc ấy 14 tuổi vào Huế xin làm đệ tử Hòa thượng Tịnh Hạnh ở chùa Tường Vân, Huế và rồi ngài theo dân di cư sang Lào lập chùa Diệu Giác ở tỉnh Savannakhet để tu học và hướng dẫn Phật tử Việt kiều tu tập.

Sau khi khai lập chùa Diệu Giác, ngài để lại cho Phật tử quản lý, tự sinh hoạt các Phật sự, còn ngài tiếp tục sang Thái Lan lập thêm chùa Diệu Giác ở tỉnh Mukadahan, vì tại đây bà con Việt kiều xa xứ rất đoàn kết và luôn hướng về Tổ quốc, yểm trợ tinh thần chống thực dân Pháp của bà con trong nước.

Sau thời gian hành đạo ở Lào và Thái Lan, ngài biết mình sức khỏe già yếu nên đã nhấn con là Hòa thượng Chánh Pháp, đương kim trụ trì chùa Phổ Quang, Huế về hậu sự của mình và sau đó ngài viên tịch năm 1972, thọ 82 tuổi tại Mukadahan, Thái Lan. Nhục thân ngài được trà tỳ và xây tháp thờ tại ba nơi là chùa Diệu Giác ở Thái Lan, chùa Diệu Giác ở Lào và một phần đưa về Việt Nam.

Hòa thượng Thích Nhật Liên: (1923-2010)⁴

Hòa thượng có thể danh là Diệp Quang Tiền, pháp danh Tâm Khai, tự Thiện Giác, hiệu Trí Ân Nhật Liên. Ngài sinh ngày 13 tháng 10 năm Quý Hợi (1923) tại thôn Xuân Yên, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, trong một gia đình có niềm tin sâu sắc Phật giáo. Thân phụ là cụ ông Diệp Chí Hoan; thân mẫu là cụ bà Phan Thị Đường. Hai cụ sinh hạ được 5 người con: 4 nam, 1 nữ. Ngài là con thứ trong gia đình, sau anh trưởng là thầy Diệp Tôn (Thích Thiện Liên).

Năm 13 tuổi (1932), được sự đồng ý của song thân, ngài cùng anh trưởng đầu sư xuất gia với Hòa thượng Giác Nguyên, trụ trì chùa Tây Thiên Di Đà tại Huế. Hai anh em Ngài được Hòa thượng truyền thọ Tam quy Ngũ giới, đồng thời làm lễ thế độ xuất gia và cho ngài pháp danh Tâm Khai, tự Thiện Giác.

Hòa thượng may mắn được xuất gia vào thời điểm Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam đang lên cao (1935). Tại Huế có Hội An Nam Phật học (sau này đổi là Hội Việt Nam Phật học), thành lập năm 1932, xuất bản nguyệt san Viên Âm và mở thêm trường Sơ đẳng Phật học tại chùa Trúc Lâm - Huế (sau trường này được dời về chùa Bảo Quốc - Huế) do Hòa thượng Thích Trí Độ làm Đốc giáo. Được phép của Hòa thượng Bổn sư, ngài đã tòng học tại Sơ đẳng Phật học đường dù thời gian nhập đạo chưa lâu.

Năm 18 tuổi (1940), ngài theo học tại Phật học đường Tây Thiên do Sơn môn Tăng già Thừa Thiên - Huế thành lập. Cùng năm, Ngài được Hòa thượng Bôn sư cũng là Hòa thượng Đường đầu, truyền thọ giới Sa di tại chùa Tây Thiên.

Năm Ngài 22 tuổi (1944), sau khi tốt nghiệp tại Phật học đường Tây Thiên, ngài được cử vào giảng dạy tại Thích Học Đường của Hội Lương Xuyên Phật học tại tỉnh Trà Vinh

Năm 23 tuổi (1945), ngài ra Phan Thiết, Bình Thuận giảng dạy Phật pháp tại chùa Phật Quang (Chùa Cát).

Năm 24 tuổi (1946), Ngài trở về trú tại chùa Long An của gia tộc ngài, thuộc liên thôn Xuân Yên, Nhan Biều, huyện Triệu Phong. Ở đây, ngài nhận lời làm giảng sư của Tỉnh hội Phật giáo Quảng Trị. Đồng thời, ngài cùng các vị trong Sơn môn Tăng già Quảng Trị thành lập Phật học đường Quảng Trị đặt tại chùa Long An.

Năm 28 tuổi (1950), ngài trở lại Huế ở tại chùa Tây Thiên hầu cận Bôn sư và qua chùa Linh Mục phụ giúp Hòa thượng Sư thúc trông nom sinh hoạt chùa.

Cuối năm 1950, ngài rời Huế vào Sài Gòn hỗ trợ với quý thầy ở Phật Học Đường Nam Việt (ban đầu trụ sở đặt tại chùa Sùng Đức - Chợ Lớn, sau dời về chùa Ấn Quang - Sài Gòn) trong công tác tổ chức và phát triển giáo dục Phật giáo ở nơi này. Ngài nhận làm Giáo thọ Phật học đường và tham gia Hội Phật học Nam Việt (chùa Xá Lợi) làm Cố vấn Ban Quản trị Trung ương Hội, kiêm chủ biên tạp chí Từ Quang, cơ quan hoằng pháp của Hội trong buổi đầu.

Năm 29 tuổi (1951), Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam họp tại chùa Từ Đàm, Huế để thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Ngài là một trong số 51 đại biểu Phật giáo toàn quốc và là một trong 7 thành viên của Phái đoàn Phật giáo Nam Việt. Cùng năm, Giáo hội Tăng già Nam Việt được thành lập và ngài được cử giữ chức vụ Tổng Thư ký sáng lập hội, trụ sở đặt tại chùa Hưng Long, sau đó dời về chùa Ấn Quang.

Năm 30 tuổi (1952), ngài thọ Cụ túc giới tại Giới đàn chùa Ấn Quang, do Hòa thượng Thích Đôn Hậu làm Hòa thượng Đường đầu.

Năm 31 tuổi (1953), ngài vận động tổ chức Đại hội Tăng già Nam Việt; Đại hội được mở tại chùa Ấn Quang. Lần đầu tiên có hơn 500 tăng ni và đông đảo Phật tử khắp miền Nam tham dự. Đại hội suy tôn Hòa thượng Huệ Quang, nguyên Tổng lý Hội Lương Xuyên Phật học Trà Vinh lên ngôi Pháp chủ Phật giáo Nam Việt.

Năm 32 tuổi (1954), ngài nghỉ việc tại Phật học đường Nam Việt; hai lần sang Campuchia, mở lớp bồi dưỡng giáo lý và mở khóa huấn luyện trụ trì cho Tăng già Việt kiều tại chùa Kim Chương ở Campuchia.

Năm 33 tuổi (1955), ngài được Giáo hội cung cử ủy nhiệm đảm trách Phật sự tại Lào, và được toàn thể chư tăng và Phật tử Việt kiều suy tôn lên ngôi Đạo thống Phật Giáo Việt Nam tại Lào, kiêm trụ trì chùa Bằng Long ở Thủ đô Vientiane, Lào.

Từ năm 1960 đến 1968, nhiều Phật sự đã được ngài thực thi trên đất Lào như trùng tu chùa Bằng Long với quy mô rộng lớn, thành lập Phật học Viện Huyền Quang, Ni bộ Đại thừa Phật giáo Việt Nam tại chùa Bằng Long. Sau đó, vì lý do an ninh quốc gia Lào, ngày 19/9/1969, ngài trở lại Việt Nam và lưu trú tại chùa Xá Lợi ở Sài Gòn.

Năm 48 tuổi (1970), ngài đảm nhiệm ngôi chùa cổ Văn Thánh, Thị Nghè, Gia Định rồi chỉnh trang, tu sửa, thay đổi cách bài trí, biến nơi đây thành ngôi già lam thanh tịnh trang nghiêm.

Năm 53 tuổi, ngài đảm nhiệm chức vụ Chứng minh Đạo sư kiêm phụ trách chùa Long Thọ, trụ sở Tỉnh hội Phật giáo Long Khánh ngày 15/01/1975.

Năm 1979, Ngài được chư tôn môn phái tổ đình Tây Thiên suy cử trụ trì chùa tổ Tây Thiên, Huế, sau khi Đại lão hòa thượng bổn sư viên tịch. Song, ngài giao lại cho các đệ tử coi sóc, rồi trở vào Long Khánh tiếp tục hoằng hóa độ sinh. Ngài đã không ngừng cố gắng vận động tu sửa xây dựng ngôi Tam Bảo chùa Long Thọ cũng như chùa Văn Thánh, Sài Gòn ngày một trang nghiêm thanh tịnh, biến những nơi này thành chốn già lam thắng địa

Năm 78 tuổi (2.000), rũ bớt duyên sự, ngài chuyên tâm nghiêm mật hành trì chú Đại Bi và niệm Phật tam muội. Nguyễn mãn châu viên,

ngài đã an nhiên niệm Phật đi vào cõi tĩnh lặng Niết Bàn vào lúc 17h, ngày 08 tháng 01 năm 2010 (nhằm ngày 24/11 năm Kỷ Sửu) tại chùa Long Thọ, tỉnh Đồng Nai. Ngài trụ thế 87 tuổi, 58 hạ lạp. Tháp của ngài được tôn trí trong khuôn viên chùa Long Thọ.

Ni sư Thích Nữ Đàm Tiến (1941-2008)⁵

Ni sư Đàm Tiến có thế danh là Nguyễn Thị Hạnh, sinh ngày 13/10/1941 tại Ưu Đàm Phò Trạch, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Ngọc Tuệ, pháp danh Tịnh Xương; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Liễu. Quê quán cả hai ông bà đều ở Thừa Thiên - Huế.

Ni sang Lào từ rất sớm và quy y với Đại lão Hòa thượng Thích Nhật Liên khi ngài đang hành đạo tại đất Lào và được tôn xưng là Đạo thống của Phật tử Việt kiều. Những năm Hòa thượng ở Lào, vì có uy tín với Phật tử Việt kiều ở Lào nhưng không theo chế độ Ngô Đình Diệm, nên Ngô Đình Diệm liên kết với chế độ Lào thời ấy trục xuất Hòa thượng về Việt Nam. Thời quy y đó, Ni được Hòa thượng ban pháp danh là Nguyên Tiến.

Những năm sau đó, sau khi Hòa thượng Nhật Liên về nước, Hội đã cử Hòa thượng Trung Quán quê quán ở miền Bắc Việt Nam khi đó đang ở Lào thay thế để hướng dẫn sự tu tập của bà con Việt kiều. Sau đó, Ni xin xuất gia với Hòa thượng Trung Quán năm 1970, sau đó thọ Tỳ kheo ni năm 1997 tại chùa Bằng Long nên được ban Pháp hiệu là Đàm Tiến và được cử làm trụ trì chùa Diệu Giác do cố Hòa thượng Diệu Thanh sáng lập.

Ni sư Đàm Tiến đã thành lập ni chúng tại đây và hiện tu tập tại chùa Diệu Giác với 3 vị đã thọ Tỳ kheo ni, đó là các ni: Đàm Thiện, Đàm Tuệ và Đàm Ngộ.

Năm 2008, Ni sư viên tịch, thọ 67 tuổi. Tháp, Long vị, di ảnh hiện thờ tại chùa Diệu Giác. Người kế thế trụ trì chùa Diệu Giác là ni Thích Nữ Đàm Luân cũng đã được thọ cụ túc giới tại Thừa Thiên - Huế, Việt Nam. Ni Đàm Luân nguyên quán Thanh Hóa, nhưng sinh ra trên đất Lào, mẹ là người Hải Dương di cư sang Lào vào thời Pháp thuộc.

2. Một số tự viện được xây dựng tại các tỉnh miền Trung nước Lào

Chùa Long Vân tọa lạc ở xóm Nhà Đèn. Đây là ngôi chùa khang trang nhất và có ba tượng Phật lớn nhất trong các ngôi chùa Việt ở Pakse. Chùa Long Vân vẫn giữ những nét kiến trúc của chùa Việt Nam phái Bắc tông. Chùa không có nhiều tháp xung quanh như chùa Lào, trừ một tháp của vị khai sơn.

Cách đây gần 70 năm có một người Pháp tạc một pho tượng Phật Bồ đề rấn Naga có thân làm đài sen để Đức Phật thiền định, bày đầu rấn làm tán che Phật. Sau đó người Pháp này về nước và giao lại tượng Phật cho nhà một người Hoa trong xóm. Một người giúp việc trong gia đình này có tên là Trần Quế, một Việt kiều gốc làng Vĩnh Xương - Thừa Thiên bị tâm thần nhẹ, đã phát hiện được tượng Phật ấy khi quét dọn ngôi nhà Hoa kiều tại Pakse. Vì không có nhà cửa nên ông Trần Quế cứ ôm tượng Phật lang thang khắp nơi và thường ngồi tại một gốc cây bồ đề. Cùng thời gian ấy, một người dân trong vùng chiêm bao thấy mảnh đất chỗ ông Trần Quế ngồi ôm tượng Phật xuất hiện những hào quang sáng rực. Mọi người cho đó là vùng đất thiêng và họ dựng một thảo am để thờ. Ngôi chùa đầu tiên bằng gỗ dựng trên khu đất do cụ Nan Kíp, người Lào, phát tâm cúng dường.

Từ đó ngôi chùa nhanh chóng trở thành nơi lui tới thường xuyên của Việt kiều và dân sở tại. Về sau bà con lại xây thêm hai gian nữa thành ngôi chùa ba gian. Một thời gian sau được Hòa thượng Trung Quán và Hòa thượng Nhật Liên hỗ trợ, chùa Long Vân nâng cấp bằng bê tông cốt thép. Hiện nay mặt sau của chùa bị sạt lở nặng. Dòng nước của con sông Sê Đôn đổ ra sông Mê Kông đã làm sạt lở đến sát khu chính điện của chùa.

Năm 2006, nhận được văn thư cầu thỉnh của Trưởng Ban hộ tự chùa Long Vân - ông Trần Thế Ngữ, có sự đồng thuận của Hội người Việt Nam tại Lào tỉnh Champasak - Phó Chủ tịch Đặng Lệ và sự nhất trí của cơ quan Tổng lãnh sự Việt Nam tại tỉnh Champasak - ông Nguyễn Tiến Dũng, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế sau một thời gian làm việc với Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ Việt Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2007, Hòa thượng Thích Đức Phương, Trưởng ban Trị sự

GHPGVN tỉnh Thừa Thiên - Huế đã ký quyết định số 08-QĐ/BTS điều cử Đại đức Thích Thanh Tịnh (Phan Phường) tu học tại chùa Trường Xuân thuộc phường Phú Hậu, Thành phố Huế và Đại đức Thích Pháp Đăng (Nguyễn Văn Thuận) tu học tại chùa Bảo Lâm, thuộc xã Thủy Xuân, Thành phố Huế sang Pakse đảm nhận chùa Long Vân để thực hiện công việc hoằng dương Phật pháp theo như yêu cầu của bà con Việt kiều tại làng Thà Luông, huyện Pakse, tỉnh Champasak.

Sau một thời gian sinh hoạt, nhờ tấm lòng hảo tâm của bà con Việt kiều gần xa, chùa Long Vân quyết định quy hoạch, trùng tu xây dựng khu chính điện và khuôn viên chùa khang trang như ngày hôm nay.

Chùa Trang Nghiêm tọa lạc ở xóm Tân An, thị trấn Pakse, thuộc tỉnh Champasak. Chùa do đại sư Nhật Trung, tự An Khang, người họ Đoàn, xuất gia tại chùa Bồ Đề ở đường Chi Lăng, Huế, sau đó tu học tại Tổ đình Quốc Ân - Huế và đắc pháp với Hòa thượng Phương trượng thuộc phái thiền Lâm Tế ở nơi Tổ đình này, sau đó sang Lào và khai sơn chùa Trang Nghiêm năm 1938. Chùa mới đầu chỉ là một thảo am, đến năm 1942, mới xây dựng quy mô và đặt tên là Trang Nghiêm Tự. Năm 1972, Thượng tọa Thích Thiện Dung (Đặng Văn Cầm) đứng ra tái thiết, trùng tu với quy mô lớn hơn theo kiểu “tiền Phật hậu Tổ” và đến năm 1973 mới hoàn thành.

Chùa Trang Nghiêm có một cây bồ đề cổ thụ to đến năm người ôm. Bà Ly, một Phật tử của chùa cho biết cây bồ đề có hơn 70 năm tuổi vì năm nay bà đã 66 tuổi mà lúc còn nhỏ bà đã thấy cây bồ đề này lớn lắm rồi.

Vào thập niên 1990, Giáo hội PGVN đã cử Hòa thượng Thích Tánh Nhiếp sang Lào, trụ trì chùa Trang Nghiêm, hướng dẫn Phật tử tu học, sửa sang và tu chỉnh cơ sở tự viện, xây dựng khách đường, Tăng xá, cung thỉnh chư tăng Việt Nam đến chùa Trang nghiêm tổ chức trai đàn chẩn tế, cầu an và cầu siêu cho Phật tử tại Pakse và Phật tử tại chùa Trang Nghiêm; người còn kể mất đầu được lợi lạc và Hòa thượng còn cung thỉnh các nhà sư Việt Nam sang chùa Trang Nghiêm để an cư, diễn giảng Phật pháp và hướng dẫn cho Phật tử Việt Nam tại Lào nói chung và Phật tử tại Pakse tu học theo tinh thần Phật giáo Việt nam nói riêng.

Chùa Kim Sơn tọa lạc ở xóm Sân Bay Bankhuataphan, thuộc Pakse, Champasak. Chùa cấu trúc theo dáng dấp của chùa Thái Lan, Lào và Campuchia, có rất nhiều tháp ở phía trước. Chùa có tượng đài Quan Thế Âm, có thờ thổ địa và có xây dựng công tam quan theo kiến trúc Việt Nam. Vị tổ khai sáng chùa là ngài Thích Minh Lý (1915 - 1995). Vị trụ trì hiện nay là sư Thích Minh Quới⁶.

Chùa Thanh Quang tọa lạc ở bản Đo Xám Xi do một sư cô trụ trì. Ngôi chùa này có quy mô nhỏ, có nguồn gốc từ một gia đình Việt kiều tu tại gia lập nên. Hiện nay, chùa Thanh Quang là nơi thờ tự, tu niệm của các Việt kiều có quan hệ bà con, dòng tộc với chủ ngôi chùa này.

Chùa Bảo Quang tọa lạc tại thị xã Kaysone thuộc tỉnh Savannakhet. Chùa do bà con Việt kiều di cư thời Pháp thuộc đồng tâm hiệp lực xây dựng vào khoảng Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai. Vào khoảng năm 2005, Ban Hộ tự cũng đã có thư cung thỉnh chư tăng ở tỉnh Thừa Thiên - Huế cử hai vị tăng sang chùa Bảo Quang để hướng dẫn Phật tử tu tập, nhưng vì chưa có người phát tâm trụ trì nên hiện vẫn chỉ có chư tôn đức sang hành lễ mỗi khi có lễ lớn, như: Phật đản, Vu lan.

Chùa Diệu Giác tọa lạc cùng thị xã với chùa Bảo Quang, tỉnh Savannakhet. Đây là một trong hai ngôi chùa Diệu Giác do Hòa thượng Thích Diệu Thanh (1890 - 1972) khai sáng vào thập niên 30 thế kỷ XX. Ngôi chùa có kiến trúc cũng như không gian thờ tự và chương trình sinh hoạt tu tập mang đậm truyền thống Phật giáo Việt Nam, đem lại một nếp sinh hoạt rất gần gũi với bà con Việt kiều tại đất nước Lào. Hiện tại chùa do Sư cô Thích Đàm Luân trụ trì cùng với ni chúng gồm có 3 vị ni là đệ tử của Ni trưởng Đàm Tiến tu tập theo truyền thống Phật giáo Việt Nam và luôn giữ mối quan hệ với Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Ngoài ra, theo Nguyễn Tiến Dũng (Trưởng Cao đẳng Sư phạm Gia Lai) trong bài viết “Những ngôi chùa Việt trên đất Lào” đăng trên báo *Gia Lai điện tử* thì còn có hai ngôi chùa khác mà chúng tôi chưa tới khảo sát được là chùa Châu Giác do ngài Thích Minh Lý xây dựng năm 1950 tại cây số 2 ở Hạ Lào, và chùa Hùng Sơn ở Paksong - một huyện của tỉnh Champasak, cũng được ngài Thích Minh Lý khai sáng năm 1952.

Lời kết

Trải qua hơn một thế kỷ hình thành và phát triển, các ngôi chùa Việt trên đất Lào đã hình thành một nếp sống văn hóa tín ngưỡng của Việt kiều ở Lào và đồng hành với sự phát triển của đất nước Lào. Đóng góp quan trọng cho sự hình thành và phát triển này phải kể đến vai trò hoằng pháp của các nhà sư Việt Nam ở miền Trung Việt Nam. Từ đó, nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng Phật tử Việt kiều ở Lào đã được đáp ứng phần nào; đem lại cho họ một cuộc sống an lành trong đời sống tinh thần. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trần Quang Thuận (2015), *Phật giáo trong dòng lịch sử Lào*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 25.
- 2 Nguyễn Tiến Dũng, “Những ngôi chùa Việt trên đất Pakse Lào”, *Giác Ngộ Online*.
- 3 Thích Trung Hậu, Thích Hải Ân (2016), *Chư Tôn thiền đức và cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 4 Thích Trung Hậu, Thích Hải Ân (2011), *Chư Tôn thiền đức và cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 2, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 5 Thích Trung Hậu, Thích Hải Ân (2016), *Chư Tôn thiền đức và cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 6 Theo Nguyễn Văn Toàn, trụ trì chùa Kim Sơn hiện nay là Đại đức Thích Thiện Hữu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Trung Hậu, Thích Hải Ân (2011), *Chư Tôn thiền đức và Cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 2, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
2. Thích Trung Hậu, Thích Hải Ân (2016), *Chư Tôn thiền đức và Cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Toàn, (2019) *Văn hóa Phật giáo trong đời sống của người Việt ở Lào*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Trần Quang Thuận (2015), *Phật giáo trong dòng lịch sử Lào*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
5. Báo *Giác Ngộ Online* (29/3/2008).
6. Website *Hoằng Pháp Online* (30/11/2011).
7. Báo *Gia Lai Online* (31/3/2011).

Abstract

**ROLE OF THUẬN HÓA REGION'S MONKS IN
PROPAGATING BUDDHISM AND SOME VIETNAMESE
BUDDHIST TEMPLES IN THE CENTRE OF LAOS**

Thich Hai An

Most Venerable

*Deputy Head of the Committee for Cultural Affairs
of the Buddhist Sangha of Vietnam*

Pham Van Phuong

Post-graduate,

Department of Religious Studies, USSH, VNU

Laos is one of three Indochina countries, bordering on Vietnam. Therefore, for a long time, Vietnamese people have exchanged and lived in Laos. During the Nguyen Dynasty, during the French colonial period, people of central provinces of Vietnam came to Laos to live quite a lot and established villages in Champasak and Savannakhet provinces. Most people here have a religious belief in Buddhism. Because there were no Dharma instructors, some Vietnamese in Laos returned to Vietnam to invite monks to propagate the Dharma, from which Vietnamese temples were built. The formation and development of Vietnamese Buddhism in Champasak and Savannakhet provinces has contributed greatly from the monks of Thuan Hoa area. In this article, we examine historical documents to shed some light on the role of Thuan Hoa monks in Vietnamese Buddhism in Laos on two main aspects: propagating and constructing some monasteries in the central provinces of Laos.

Keywords: Monk; Thuan Hoa; propagating Buddhism; Buddhist temple; Laos.